

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH THƯƠNG MẠI THIÊN PHÚ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH THƯƠNG MẠI THIÊN PHÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109919793

**3. Ngày thành lập:** 02/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 22 ngõ 33 đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986792668

Fax:

Email: Congtythienphu668@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa;<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép<br>(trừ kinh doanh vàng miếng, trừ kinh doanh các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                             | 4662        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                | 8299        |
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                           | 6810(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                          | 6820 |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                          | 7120 |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                | 7320 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                       | 4690 |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                       | 4101 |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                 | 4102 |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                           | 4211 |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                            | 4212 |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                | 4221 |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                     | 4222 |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                      | 4223 |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                       | 4229 |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                | 4291 |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                         | 4292 |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                   | 4293 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                              | 4299 |
| 29. | Phá dỡ<br>(trừ nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                       | 4312 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                   | 4321 |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ đấu giá) | 4752 |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                            | 4753 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ đấu giá)                                                                | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Địa chỉ thường trú:  
Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN NGỌC DƯƠNG Giới tính: Nam  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 09/07/1989 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 132035003  
Ngày cấp: 22/11/2011 Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ  
Địa chỉ thường trú: *Khu Thanh Bình, Phường Thanh Vinh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 22 ngõ 33 đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội